

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-PT
Ngày: 04-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Điều N. Do có kháng cáo của bị cáo Điều N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Điều N**, sinh năm 1996, tại Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: S'Tiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điều T, sinh năm 1976 và bà Thị D, sinh năm 1981; Bị cáo có vợ là Thị M, sinh năm 1997 và 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2020 cho đến ngày 30/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điều N đã được Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép lái xe hạng A1 số 700168003380 ngày 07/6/2016. Chiều ngày 04/8/2020, Điều N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93H1-262.24 đi uống bia cùng với bạn ở xã Đ1, huyện B. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường QL 14C hướng từ xã Đ1 về nhà ở xã M. Khi đi đến địa phận thôn 9, xã Đ1, N lách xe sang phần đường bên trái theo chiều di chuyển của N (đi không

đúng phần đường theo hướng di chuyển) thì xảy ra va chạm với xe đạp điện do cháu Trần Bích T, sinh năm 2008 điều khiển, chở theo sau là cháu Trần Thị Hoài T, sinh ngày 23/6/2019 đang lưu thông hướng ngược lại. Hậu quả là cháu Trần Thị Hoài T tử vong, cháu Trần Bích T bị thương và 02 xe bị hư hỏng.

Sau khi xảy ra vụ việc, Điều N đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Theo Biên bản kiểm tra nồng độ cồn tại thời điểm 20 giờ 13 phút ngày 04/8/2020 thì Điều N có nồng độ cồn là 1.074mg/lít khí thở.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:

Hiện trường vụ tai nạn là đoạn đường nhựa, mặt đường bằng phẳng không bị che khuất tầm nhìn. Bề rộng mặt đường dài 8,2m, được chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt bởi vạch kẻ đường không liên tục. Tim đường đo vào mép đường chuẩn là 3,95m (mép đường nhựa bên phải theo hướng xã M đi xã P làm mép đường chuẩn), lấy trụ điện số 474PL-557 nằm ở lề đường bên trái hướng xã M đi xã P làm điểm mốc cố định. Điểm chuẩn cách mốc cách mép đường chuẩn 17,8m.

Hiện trường được đánh số thứ tự bảo gồm: (1) Vết chà trượt; (2) vết mảnh nhựa; (3) vết cày; (4) vết cày; (5) vị trí xe đạp điện nhãn hiệu ASISTA BMM số khung 181GO293BMMASITA; (6) vị trí xe mô tô biển kiểm soát 93H1-262.24.

- (1) vết chà trượt của xe đạp điện (5) dài 0,45m x 0,05m liên tục nằm ở phần đường bên phải theo hướng xã M đi xã P. Tâm cách mép đường chuẩn 1,62m, cách điểm mốc 16,5m;

- (2) mảnh nhựa của xe mô tô (6) màu đỏ có kích thước 0,42m x 0,13m nằm ở phần đường bên phải theo hướng xã M đi xã P. Tâm cách mép đường chuẩn 3,25m, cách tâm vết chà trượt (1) là 2,89m;

- (3) Vết cày của của xe đạp điện (5) không liên tục dài 7,1m nằm ở phần đường bên phải hướng xã M đi xã P. Đầu vết cày hướng về xã P cách mép đường chuẩn 2m, cách tâm mảnh nhựa (2) là 1,3m. Cuối vết cày trùng với góc để chân sau bên trái xe đạp điện (5), cách mép đường chuẩn 3,36m;

- (4) vết cày của xe mô tô (6) không liên tục dài 14,16m nằm ở phần đường bên phải theo hướng xã M đi xã P. Đầu vết cày hướng về xã P, cách mép đường chuẩn 0,9m, cách đầu vết cày (3) là 2,58m. Cuối vết cày trùng với góc để chân trước bên phải của xe mô tô (6) nằm ở lề đường cách mép chuẩn 0,55m;

- (5) xe đạp điện nằm ngã về bên trái ở phần đường bên phải theo hướng xã M đi xã P. Đầu xe hướng xã P, đuôi xe hướng về xã M, trục trước bên trái xe cách mép đường chuẩn 2,92m, cách tâm vết chà trượt (1) là 8,89m, cách điểm mốc 19,57m; trục sau bên trái xe cách mép đường chuẩn là 3,13m;

- (6) xe mô tô nằm ngã về bên phải ở phần đường bên phải theo hướng xã M đi xã P. Đầu xe hướng về xã M, đuôi xe hướng về xã P. Trục trước bên phải xe cách mép đường chuẩn 0,65m, cách trục sau bên trái xe đạp điện (5) 10,7m. Trục sau bên phải xe cách mép đường chuẩn 0,3m, cách trục trước bên trái xe đạp điện (5) 10,32m và cách đầu vết cày (4) là 13,52m.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 216/2020/GĐPY ngày 10/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Trần Thị Hoài T bị chấn thương sọ não gây vỡ xương sọ, giập não dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 302/2020/TgT ngày 05/11/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận: Trần Bích T bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 43%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Điều N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Điều N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2020 đến ngày 30/10/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/02/2021 bị cáo Điều N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Điều N thay đổi yêu cầu kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang xin được hưởng án treo.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Bị cáo Điều N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật và theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Điều N; Sửa bản án sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước; Xử phạt bị cáo Điều N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Điều N được thực hiện trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Điều N thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Điều N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Điều N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng cho bị cáo Điều N các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại cũng có đơn bãi nại cho bị cáo; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và đã xử phạt bị cáo 03 năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo là động chính trong gia đình, được chính quyền địa phương xác nhận. Hơn nữa, bị cáo còn là người đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu với lỗi vô ý. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo Điều N phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo mà không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, việc cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục bị cáo và không gây nguy hiểm cho xã hội. Đối chiếu với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo Điều N đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Điều N không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Điều N; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo Điều N về phần hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Điều N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Điều N 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Điều N cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Điều N không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- CQĐT - Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện B;
- Bị cáo;
- UBND xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bình